

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-PT

Ngày 12-11-2021

V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân và ông Vũ Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Lê Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021, về "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Hồng K

Địa chỉ: Thôn 04, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái

(Theo giấy ủy quyền ngày 26/10/2021; ông H vắng mặt, anh K có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị H1

Địa chỉ: Thôn 04, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Đức H2 – Chủ tịch UBND xã

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thu Ph – Phó chủ tịch UBND xã (theo giấy ủy quyền ngày 21/6/2021; bà Ph vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Bà Đỗ Thị L

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Hồng K

Địa chỉ: Thôn 04, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái

(Theo giấy ủy quyền ngày 26/10/2021; bà L vắng mặt, anh K có mặt).

3.3. Bà Đỗ Thị H3

Địa chỉ: Thôn 03, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Hồng K

Địa chỉ: Thôn 04, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái

(Theo giấy ủy quyền ngày 26/10/2021; bà H3 vắng mặt, anh K có mặt).

3.4. Bà Phạm Thị H4

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Hồng K

Địa chỉ: Thôn 04, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái

(Theo giấy ủy quyền ngày 26/10/2021; bà H4 vắng mặt, anh K có mặt).

3.5. Anh Phạm Văn N

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị H1

Địa chỉ: Thôn 04, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái

(Theo giấy ủy quyền ngày 09/11/2021; anh Ng vắng mặt, bà H1 có mặt).

3.6. Chị Phạm Thị Hoài Th

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị H1

Địa chỉ: Thôn 04, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái

(Theo giấy ủy quyền ngày 09/11/2021; chị Th vắng mặt, bà H1 có mặt).

3.7. Anh Phạm Hồng K

Địa chỉ: Thôn 04, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Đinh Thị H1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái vụ án có nội dung như sau:

Năm 1958, cụ Nguyễn Thị N1 kết hôn với cụ Phạm Văn T, trước khi kết hôn, cụ Nguyễn Thị N1 có hai con riêng là Đỗ Thị L và Đỗ Thị H3. Cụ T và cụ N1 có ba con chung là Phạm Văn H, Phạm Thị H4 và Phạm Văn T1. Năm 1988, cụ Phạm Văn T chết không để lại di chúc.

Năm 1998, Nhà nước có chủ trương làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ Nguyễn Thị N1 được UBND huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 07 thửa đất tại thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái, gồm các thửa sau:

+ Thửa thứ nhất: Thửa đất số 40, tờ Bản đồ 56, diện tích 85,0m² đất ở nông thôn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200533, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00285 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998.

+ Thừa thứ hai: Thừa số 39, tờ Bản đồ số 56, diện tích 716,0m² đất vườn tạp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200533, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00285 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998.

+ Thừa thứ ba: Thừa số 108, tờ Bản đồ số 56, diện tích 72,0m² đất lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998.

+ Thừa thứ tư: Thừa số 87, tờ Bản đồ số 56, diện tích 260,0m² đất lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998.

+ Thừa thứ năm: Thừa số 111, tờ Bản đồ số 56, diện tích 160,0m² đất màu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998.

+ Thừa thứ sáu: Thừa số 117, tờ Bản đồ số 56, diện tích 534,0m² đất màu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998.

+ Thừa thứ bảy: Thừa số 14, tờ Bản đồ số 6-6, diện tích 2080,0m² đất vườn rừng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200535, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00193 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ N1 ở một mình, hộ bà Nguyễn Thị N1 chỉ có duy nhất một nhân khẩu là cụ bà Nguyễn Thị N1.

Ngày 04-05-2009, cụ Nguyễn Thị N1 do tuổi cao sức yếu cần có người chăm sóc nên đã tổ chức họp gia đình với sự có mặt của tổ mặt trận thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái thống nhất vợ chồng ông Phạm Văn T1 và bà Đinh Thị H1 về sống với cụ N1 để tiện việc chăm sóc cụ và tạm giao toàn bộ tài sản cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ N1 cho ông T1, bà H1 trông coi.

Năm 2014, cụ Nguyễn Thị N1 chết, không để lại di chúc. Ông Phạm Văn T1, bà Đinh Thị H1 vẫn quản lý sử dụng toàn bộ các tài sản của cụ N1. Năm 2016, ông Phạm Văn T1 chết. Bà Đinh Thị H1 và hai con là Phạm Văn N và Phạm Thị Hoài Th vẫn quản lý và sử dụng toàn bộ tài sản là di sản của cụ Nguyễn Thị N1.

Năm 2017, sau một thời gian đi nơi khác làm ăn bà Phạm Thị H4 trở về địa phương, do không có nơi ở, muốn về sống trên một phần đất của cụ Nguyễn Thị N1 để lại, nhưng bà H1 không đồng ý.

Nay ông Phạm Văn H đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là 07 thửa đất nêu trên do Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên hộ bà Nguyễn Thị N1 theo quy định của pháp luật. Phần di sản của ông H được hưởng được giao cho anh Phạm Hồng K.

Bị đơn bà Đinh Thị H1 trình bày: Năm 1991, bà kết hôn với ông Phạm Văn T1. Bà xác nhận cụ N1 ở một mình, đến năm 1998 nhà nước đo đất để cấp sổ đỏ cho dân, bà L là con cả đã làm thủ tục cho cụ N1 được cấp sổ đỏ đất tổng cộng là 07 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên

chủ hộ bà Nguyễn Thị N1. Năm 2009, do cụ N1 tuổi cao sức yếu đã gọi các con về và mời tổ mặt trận thôn đến lập biên bản thống nhất vợ chồng bà chăm sóc cụ N1 và canh tác trên đất của cụ N1, vì bà H4 không về nên không làm được thủ tục cho tặng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà, cụ N1 đã giao toàn bộ giấy tờ đất cho vợ chồng bà quản lý và canh tác. Đến năm 2014, cụ Nguyễn Thị N1 chết không để lại di chúc, năm 2016 ông Phạm Văn T1 ốm chết, ba mẹ con bà Đinh Thị H1 vẫn sinh sống canh tác trên đất. Nay ông Phạm Văn H làm đơn đề nghị chia di sản thừa kế bà không nhất trí.

Bà Phạm Thị H4, bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị H3 đều xác nhận di sản của cụ N1 để lại như nguyên đơn trình bày. Bà H4 đề nghị Tòa án giải quyết chia một phần di sản thừa kế của mẹ đẻ là cụ N1 để lại cho bà để bà có chỗ ở và một phần đất để canh tác, cụ thể là thửa đất số 117 tờ Bản đồ số 56 và một phần thửa đất số 39 tờ Bản đồ 56 tại thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Đối với kỹ phần mà bà L, bà H3 được hưởng, các bà cho ông Phạm Văn H toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt, do ông Phạm Văn H già yếu nên nhất trí giao cho anh Phạm Hồng K là con lớn ông H được toàn quyền sở hữu và định đoạt tài sản là phần di sản của hai bà được chia.

Anh Phạm Văn N, chị Phạm Thị Hoài Th tặng phần di sản được hưởng cho bà Đinh Thị H1.

Anh Phạm Hồng K hoàn toàn nhất trí với việc ủy quyền của người ủy quyền, nhất trí với kết quả thẩm định đo đạc đất ngày 13-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện TY và nhất trí về giá đất do ông Phạm Văn H đưa ra. Hiện tại anh đang sử dụng một phần diện tích đất vườn tạp tại thửa đất số 39, đất do gia đình đánh taluy thành nền làm chỗ chăn nuôi gà, anh nhất trí giao phần diện tích đất này cho bà Phạm Thị H4 để làm nhà ở và nhận thực hiện quyền sở hữu, sử dụng tài sản do ông H, bà L, bà H3 giao, không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Về giá trị đất: Các đương sự thống nhất tính theo bảng giá đất của tỉnh Yên Bái đối với từng loại đất, cụ thể: Đất ở là 100.000đồng/m²; Đất lúa là 38.000đồng/m²; Đất màu và đất vườn tạp là 28.000đồng/m² và đất rừng là 26.000đồng/m². Do vậy, các thửa đất được tính giá trị như sau: Thửa đất số 14 là đất vườn rừng có giá trị là 26.000đồng/1m²; các thửa đất 39, 111, 117 là đất màu và đất vườn tạp có giá trị là 28.000đồng/1m²; các thửa đất 87, 108 là đất lúa có giá trị là 38.000đồng/1m²; thửa 40 là đất ở nông thôn có giá trị là 100.000đồng/1m².

Ngày 13-6-2021, Tòa án nhân dân huyện TY tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với di sản thừa kế xác định:

Thửa 108 đất lúa có diện tích là 89,6m² trên đất không có tài sản gì; thửa 87 đất lúa có diện tích là 258,5m² trên đất không có tài sản gì; thửa 111 đất màu có diện tích là 162m², tài sản trên đất có khoảng 100 cây quế do ông H, anh K, bà H4 trồng được một năm tuổi; thửa 117 đất màu có diện tích là 510,1m², tài sản trên đất có khoảng 300 cây quế do ông H, anh K, bà H4 trồng được một năm tuổi; thửa 40 đất ở có diện tích là 85m², tài sản trên đất gồm có một nhà xây cấp 4 diện tích 70m², tường xây gạch ba vanh, mái lợp Blu ximăng và công

trình phụ kèm theo, 01 cây mít, 01 cây nhãn, 01 cây bứa; thửa 39 đất vườn tạp có tổng diện tích là 716m², trong đó trên đất có cây cột điện đã được đền bù diện tích 16m² và có một phần đuôi của thửa đất gia đình đã đánh taluy thành nền, liền đất anh Phạm Hồng K đang sử dụng, chăn nuôi có diện tích là 103,8m²; thửa 14 đất vườn rừng có diện tích là 2016,5m², tài sản trên đất có khoảng 20 cây cọ 30 năm tuổi và khoảng 30 cây quế 5 năm tuổi, cây cọ do cụ N1 trồng, quế do ông T1 trồng (chi tiết các phía tiếp giáp của các cạnh thửa của các thửa đất có sơ đồ kèm theo). Các đương sự đều nhất trí với kết quả đo đạc, thống nhất không yêu cầu giải quyết đối với tài sản có trên đất.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái: Việc đo đạc các thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ bà Nguyễn Thị N1 của Hội đồng thẩm định ngày 13-6-2021 là chính xác với các cạnh tiếp giáp liền kề của các thửa đất mà các hộ đang canh tác và thống nhất các mốc giới, danh giới sử dụng đất. Đối với thửa đất số 38 là đất của UBND xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái (đất chưa giao) có vị trí nằm liền kề đất hộ cụ bà Nguyễn Thị N1 đang sử dụng canh tác, hiện có một phần đuôi thửa số 38 gia đình anh Phạm Hồng K đã đánh taluy để sử dụng. Thửa đất số 38 này không phải là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N1, do đó UBND xã sẽ có trách nhiệm trong việc quản lý, xử lý giải quyết thửa đất nêu trên. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế, sau khi các hộ được chia phần theo quy định của pháp luật, UBND xã phối hợp cùng các hộ, căn cứ đất được phân chia để làm thủ tục cấp lại GCNQSDĐ cho các hộ đảm bảo đúng diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2021/QĐ-SCBSSBA ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã Quyết định:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 654, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H về việc: Yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Xác định di sản thừa kế là 07 thửa đất gồm:

+ Thửa thứ nhất: Thửa đất số 40, tờ Bản đồ 56, diện tích 85,0m², đất ở nông thôn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200533 vào sổ số: 00285 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1, tài sản trên đất gồm có một nhà xây cấp 4, diện tích 70m² tường xây gạch ba vạnh, mái lợp Bluximăng; 01 cây mít; 01 cây nhãn; 01 cây bứa.

+ Thừa thứ hai: Thừa số 39, tờ Bản đồ số 56, diện tích 700,0m², đất vườn tạp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200533 vào sổ số: 00285 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1. Tài sản trên đất gồm có cây cột điện 3 pha đã được đèn bù diện tích 16m²; 01 chuồng gà trên nền đất anh Phạm Hồng K đã đánh taluy thành nền có diện tích là 103,8m².

+ Thừa thứ ba: Thừa số 108, tờ Bản đồ số 56, diện tích 72,0m², đất lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1, trên đất không có tài sản gì.

+ Thừa thứ tư: Thừa số 87, tờ Bản đồ số 56, diện tích 260,0m², đất lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1, trên đất không có tài sản gì.

+ Thừa thứ năm: Thừa số 111, tờ Bản đồ số 56, diện tích 160,0m², đất màu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1, trên đất có khoảng 100 cây quế do ông H, anh K, bà H4 trồng được một năm tuổi.

+ Thừa thứ sáu: Thừa số 117, tờ Bản đồ số 56, diện tích 534,0m², đất màu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1, tài sản trên đất có khoảng 300 cây quế một năm tuổi do anh K, ông H, bà H4 trồng.

+ Thừa thứ bảy: Thừa số 14, tờ Bản đồ số 6-6, diện tích 2080,0m², đất vườn rừng trồng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200535 vào sổ số: 00193 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1, tài sản trên đất có khoảng 20 cây cọ 30 năm tuổi và khoảng 30 cây quế 5 năm tuổi. Cọ do cụ N1 trồng, quế do ông T1 trồng.

Là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị N1.

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: Bà Đỗ Thị H3, bà Đỗ Thị L, ông Phạm Văn H nhường kỷ phần thừa kế tài sản cho anh Phạm Hồng K được quyền sở hữu và sử dụng. Anh Phạm Văn N, chị Phạm Thị Hoài

Th nhường kỷ phần thừa kế tài sản cho bà Đinh Thị H1 được quyền sở hữu và sử dụng.

Anh Phạm Hồng K được quyền sở hữu, sử dụng phần diện tích đất gồm 02 thửa đất sau: Thửa thứ nhất, thửa số 14, tờ Bản đồ số 6-6, diện tích 2016,5m², đất vườn rừng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200535 vào sổ số: 00193QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên cụ Nguyễn Thị N1 có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Doãn Văn H và ông Nguyễn Sinh Nh; phía Nam giáp đất UBND xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái; phía Tây giáp đất anh Phạm Hồng K; phía Đông giáp đường bê tông. Thửa thứ hai, thửa số 108, tờ Bản đồ số 56, diện tích 89,6m², đất lúa; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ bà Nguyễn Thị N1 có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp thửa đất 111; phía Tây giáp đất ông Phạm Văn V; phía Nam giáp đất ông Phạm Văn S; phía Bắc giáp thửa đất 117 (có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo).

Bà Đinh Thị H1 được quyền sở hữu, sử dụng các thửa đất sau: Thửa thứ nhất, thửa đất số 40, tờ Bản đồ số 56, diện tích 85,0m² đất ở nông thôn; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200533 vào sổ số: 00285 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị N1, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất UBND xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái; phía Đông, Tây, Nam giáp thửa 39. Thửa đất thứ hai: Diện tích 596,2m² trong tổng số 700m² của thửa số 39, tờ Bản đồ số 56, là đất vườn tạp; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200533 vào sổ số: 00285 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị N1, có các phía tiếp giáp: Phía Bắc giáp diện tích 103,8m² của thửa đất số 39 đã đánh taluy làm nền nhà hiện anh K đang chăn nuôi gà trên đất và giáp đất anh Phạm Hồng K; phía Nam giáp đường bê tông; phía Tây giáp đường quốc lộ; phía Đông giáp thửa đất số 40. Thửa đất thứ ba: Thửa số 87 tờ Bản đồ số 56, diện tích 258,5m² đất lúa; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị N1, có các phía tiếp giáp: Phía Bắc giáp đất anh Phạm Hồng K; phía Nam giáp đất ông Phạm Văn Nam; phía Tây giáp nương nước; phía Đông giáp đất UBND xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái (có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo).

Bà Phạm Thị H4 được quyền sở hữu, sử dụng các thửa đất sau: Thửa đất thứ nhất, thửa 117, tờ Bản đồ số 56, diện tích 510,1m², đất màu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị N1, có các phía tiếp giáp: Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn V và thửa 108; phía Tây Bắc giáp đường bê tông; phía Đông Nam giáp thửa đất 111; phía Đông giáp đất ông Phạm Văn S. Thửa đất thứ hai, thửa 111 tờ Bản đồ số 56, diện tích 162,0m² đất màu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị N1, có các phía tiếp giáp: Phía Tây Bắc giáp thửa đất 117; phía Nam giáp đất ông Phạm Văn S; phía Tây giáp thửa đất 108; phía Đông Bắc giáp đất ông Phạm Văn S; phía Đông giáp đất ông Phạm Văn Cường. Thửa đất thứ ba là một phần diện tích đất của thửa đất số 39, đất vườn tạp, đã được đánh đất thành nền nhà có diện tích 103,8m² do anh Phạm

Hồng K đang quản lý, anh K có trách nhiệm thu dọn tài sản trên đất để trả đất cho bà Phạm Thị H4, chi tiết các cạnh tiếp giáp: Phía Bắc giáp đất anh Phạm Hồng K; phía Nam giáp taluy của thửa đất 39; phía Tây giáp đường quốc lộ; phía Đông giáp taluy đất UBND xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái (có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng; tuyên lỗi suất chậm trả, hướng dẫn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13-8-2021, bà Đinh Thị H1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TY với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án cho bà được hưởng toàn bộ di sản của cụ N1 để lại.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị N1 để lại.

Người đại diện của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Phạm Hồng K) đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm về giá trị khối di sản được chia, giá trị một kỷ phần được chia theo pháp luật, giá trị phần di sản mà mỗi người thừa kế được chia.

Giao cho ông Phạm Văn H được quản lý, sử dụng đối với phần di sản của ông H được nhận và phần di sản mà bà Đỗ Thị L và bà Đỗ Thị H3 nhường lại cho ông H được quản lý, sử dụng.

Anh K nhận chịu án phí về phần tài sản mà ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị H3 được hưởng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị H1. Sửa Bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái theo hướng: Xác định cụ thể giá trị khối di sản được chia, giá trị một kỷ phần được chia theo pháp luật, giá trị phần di sản mà mỗi người thừa kế được chia. Giao cho ông Phạm Văn H được quản lý, sử dụng đối với phần di sản của ông được nhận và phần di sản mà bà L và bà H3 nhường lại cho ông H được quản lý, sử dụng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên;

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" để thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn gửi đến Tòa án đúng hạn luật định. Bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn, vì vậy, kháng cáo là hợp lệ, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Đại diện UBND xã ĐT có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ N1 chết năm 2014. Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N1 của nguyên đơn là còn thời hiệu khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện TY thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Cụ Nguyễn Thị N1 có hai người con riêng là bà Đỗ Thị L và Đỗ Thị H3, thời điểm đó cụ N1 chưa kết hôn với ai, sau khi kết hôn với cụ Phạm Văn T, hai cụ sinh được 03 người con là Phạm Văn H, Phạm Thị H4 và Phạm Văn T1. Bà L và bà H3 vẫn ở chung cùng hai cụ và có công chăm sóc, phụng dưỡng hai cụ. Năm 1988, cụ Phạm Văn T chết. Các đương sự đều xác định Cụ T không để lại tài sản. Cụ Nguyễn Thị N1 ở cùng các con. Sau đó các con của cụ xây dựng gia đình ra ở riêng. Năm 1998, cụ N1 được UBND huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 07 thửa đất, khi được cấp đất, cụ ở một mình, các con ở riêng hết. Năm 1999, cụ Nguyễn Thị N1 chuyển về ở với con gái là bà H4, năm 2003 bà H4 đi làm ăn xa, cụ ở nhà một mình do tuổi cao sức yếu nên ngày 04-5-2009 đã họp gia đình với sự có mặt của tổ mặt trận thôn, thống nhất vợ chồng ông T1, bà H1 là con trai và con dâu út của cụ về ở cùng để chăm sóc cụ. Năm 2014 cụ Nguyễn Thị N1 chết không để lại di chúc.

[3.2] Về di sản thừa kế:

Về di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định gồm 07 thửa đất tại địa chỉ: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đều đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên hộ bà Nguyễn Thị N1 như sau:

+ Thửa thứ nhất: Thửa đất số 40, tờ Bản đồ 56, diện tích 85,0m² đất ở nông thôn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200533 vào sổ số 00285 QSDĐ/38/QĐUBH.

+ Thửa thứ hai: Thửa số 39, tờ Bản đồ số 56, diện tích 716,0m² đất vườn tấp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200533 vào sổ số 00285 QSDĐ/38/QĐUBH.

+ Thừa thứ ba: Thừa số 108, tờ Bản đồ số 56, diện tích 72m² đất lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH.

+ Thừa thứ tư: Thừa số 87, tờ Bản đồ số 56, diện tích 260,0m² đất lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH.

+ Thừa thứ năm: Thừa số 111, tờ Bản đồ số 56, diện tích 160,0m² đất màu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH.

+ Thừa thứ sáu: Thừa số 117, tờ Bản đồ số 56, diện tích 534,0m² đất màu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH.

+ Thừa thứ bảy: Thừa số 14, tờ Bản đồ số 6-6, diện tích 2080,0m² đất vườn rừng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200535 vào sổ số 00193 QSDĐ/38/QĐUBH.

Quá trình giải quyết vụ án và tại cấp phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà Phạm Thị H4, bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị H3, UBND xã ĐT) đều thống nhất và xác nhận 07 thửa đất nêu trên là di sản của cụ N1 để lại. Các đương sự đều nhất trí với kết quả đo đạc như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện TY và thống nhất không yêu cầu giải quyết đối với tài sản có trên đất.

Do đó, có căn cứ xác định toàn bộ 07 thửa đất nêu trên là di sản của cụ Nguyễn Thị N1 để lại. Ngoài 07 thửa đất trên, các đương sự thống nhất cụ N1 không còn để lại tài sản gì khác, không để lại khoản nợ hay nghĩa vụ tài sản nào.

[3.3] Về hàng thừa kế:

Các đương sự đều khai thống nhất cụ N1 có 05 người con (gồm: Ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị H4, ông Phạm Văn T1, bà Đỗ Thị L và bà Đỗ Thị H3). Cụ N1 không có chồng nào khác và không có con nuôi hay con riêng nào khác, chồng và bố mẹ cụ N1 đều đã chết trước khi cụ qua đời. Năm 2016, ông Phạm Văn T1 chết, ông T1 có vợ là bà Đinh Thị H1 và có hai con là anh Phạm Văn N và chị Phạm Thị Hoài Th, nên vợ và hai con ông T1 được hưởng phần di sản thừa kế mà ông T1 được hưởng. Do cụ N1 không để lại di chúc, vì vậy, di sản thừa kế của cụ N1 được chia theo quy định pháp luật thành 05 kỷ phần như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là phù hợp.

[4] Đối với việc xác định giá trị khối di sản thừa kế: Các bên đương sự nhất trí tính giá trị của các thửa đất theo bảng giá đất của tỉnh Yên Bái quy định đối với từng loại đất, cụ thể: Đất ở là 100.000đồng/m²; đất lúa là 38.000đồng/m²; đất màu và đất vườn tạp là 28.000đồng/m² và đất rừng là 26.000đồng/m². Tòa án cấp sơ thẩm xác định chia di sản theo pháp luật và chia khối di sản thành 05 kỷ phần. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định giá trị của khối di sản được chia, giá trị mỗi kỷ phần được chia theo quy định của

pháp luật, giá trị phần di sản mỗi đương sự được chia là bao nhiêu là chưa cụ thể. Do vậy, cần xác định lại cho phù hợp.

Về giá trị khối di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị N1 được tính theo quy định của Nhà nước về giá đất như các đương sự đã thống nhất, cụ thể: Thửa 108 đất lúa có diện tích là $89,6\text{m}^2 \times 38.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 3.404.800\text{đồng}$; thửa 87 đất lúa có diện tích là $258,5\text{m}^2 \times 38.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 9.823.000\text{đồng}$; thửa 111 đất màu có diện tích là $162\text{m}^2 \times 28.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 4.536.000\text{đồng}$; thửa 117 đất màu có diện tích là $510,1\text{m}^2 \times 28.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 14.282.800\text{đồng}$; thửa 40 đất ở có diện tích là $85\text{m}^2 \times 100.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 8.500.000\text{đồng}$; thửa 39 đất vườn tạp có tổng diện tích là $700\text{m}^2 \times 28.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 19.600.000\text{đồng}$; thửa 14 đất vườn rừng có diện tích là $2016,5\text{m}^2 \times 26.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 52.429.000\text{đồng}$. Tổng giá trị di sản của cụ N1 là 112.575.600đồng, được chia đều cho 05 người thừa kế của cụ N1 gồm: Bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị H3, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị H4, ông Phạm Văn T1, mỗi kỹ phần có trị giá là $112.575.600\text{đồng} : 5 = 22.515.120\text{đồng}$. Ông Phạm Văn T1 chết sau cụ N1 nên phần di sản mà ông T1 được hưởng thừa kế chuyển tiếp cho những người thừa kế của ông T1 là bà Đinh Thị H1, anh Phạm Văn N, chị Phạm Thị Hoài Th. Bà H1, anh Ng, chị Th mỗi người được chia phần di sản trị giá 7.505.040đồng.

[6] Căn cứ vào hiện trạng thực tế di sản thừa kế là các thửa đất, khi chia cho các đồng thừa kế theo phần bằng hiện vật, cần xem xét đến nhu cầu sử dụng thực tế và vị trí thửa đất để đảm bảo cho các đồng thừa kế sử dụng ổn định và phù hợp.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Đối với bà Đỗ Thị L và bà Đỗ Thị H3, quá trình giải quyết đều có đề nghị ông Phạm Văn H là con trai cả của cụ Nguyễn Thị N1 phải có trách nhiệm trong việc thờ cúng, bản thân hai bà là con gái nên bà L và bà H3 đã thống nhất giao lại toàn bộ phần di sản được chia cho ông H quản lý, sử dụng. Do ông H đã già yếu, anh Phạm Hồng K là con trai lớn của ông H được toàn quyền quản lý và định đoạt, ông H cũng giao lại quyền quản lý và định đoạt phần di sản của mình cho anh K để công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: “Bà Đỗ Thị H3, bà Đỗ Thị L, ông Phạm Văn H nhường kỹ phần thừa kế tài sản cho anh Phạm Hồng K được quyền sở hữu và sử dụng. Anh Phạm Hồng K được quyền sở hữu, sử dụng phần diện tích đất gồm 02 thửa đất sau:

Thửa thứ nhất, thửa số 14, tờ Bản đồ số 6-6, diện tích 2016,5m², đất vườn rừng trồng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200535 vào sổ số: 00193QSĐĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên cụ Nguyễn Thị N1 có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Doãn Văn H và ông Nguyễn Sinh Nh. Phía Nam giáp đất UBND xã ĐT, huyện TY. Phía Tây giáp đất anh Phạm Hồng K. Phía Đông giáp đường bê tông.

Thửa thứ hai, thửa số 108, tờ Bản đồ số 56, diện tích 89,6m², đất lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSĐĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ bà Nguyễn Thị N1 có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp thửa đất 111. Phía Tây giáp đất ông

Phạm Văn V. Phía Nam giáp đất ông Phạm Văn S. Phía Bắc giáp thửa đất 117 (có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo)”.

Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai sau cùng của bà Đỗ Thị L và bà Đỗ Thị H3 (bút lục số 149 và bút lục số 151) thể hiện: “*Do đó, tôi thay đổi lời khai và giao toàn bộ phần di sản của mẹ tôi mà tôi được hưởng cho ông Phạm Văn H toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt (hiện tại ông H tuổi cao sức yếu nên ông H ủy quyền cho con trai là Phạm Hồng K được thực hiện quyền thừa kế của ông H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật). Do ông H là con trai trưởng sẽ có trách nhiệm hương khói cho bố mẹ về sau*”. Như vậy, cả bà L và bà H3 đều thể hiện ý chí là giao toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt phần di sản mà các bà được hưởng cho ông Phạm Văn H, do ông H là con trai trưởng sẽ có trách nhiệm hương khói cho bố mẹ về sau. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: Bà Đỗ Thị H3, bà Đỗ Thị L, ông Phạm Văn H nhường kỷ phần thừa kế tài sản cho anh Phạm Hồng K được quyền sở hữu và sử dụng đối với phần di sản như đã nêu trên là chưa đúng ý chí của bà H3 và bà L.

Tại cấp phúc thẩm, bà L và bà H3 vẫn giữ yêu cầu chuyển giao kỷ phần thừa kế mà các bà được hưởng cho ông Phạm Văn H toàn quyền quản lý, sử dụng. Ông H đồng ý nhận phần di sản mà bà L và bà H3 được chia và không ủy quyền cho anh Phạm Hồng K nhận thay. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật không trái đạo đức xã hội, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Phần di sản mà ông H, bà L, bà H3 được chia gồm: Thửa đất 14 là đất vườn rừng có diện tích là 2016,5m² và thửa đất 108 là đất lúa có diện tích là 89,6m², tổng trị giá là 55.833.800đồng (bà H3, bà L, ông H mỗi người được chia phần di sản có trị giá 18.611.267đồng).

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: Bà Đỗ Thị H3, bà Đỗ Thị L nhường kỷ phần thừa kế tài sản mà bà L, bà H3 được hưởng cho ông Phạm Văn H được quyền sở hữu và sử dụng. Do vậy, cần giao cho ông Phạm Văn H được toàn quyền quản lý sử dụng phần di sản là các thửa đất sau: Thửa thứ nhất, thửa số 14, tờ Bản đồ số 6-6, diện tích 2016,5m², đất vườn rừng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200535 vào sổ số: 00193QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên cụ Nguyễn Thị N1 có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Doãn Văn H và ông Nguyễn Sinh Nh; phía Nam giáp đất UBND xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái; phía Tây giáp đất anh Phạm Hồng K; phía Đông giáp đường bê tông. Thửa thứ hai, thửa số 108, tờ Bản đồ số 56, diện tích 89,6m² đất lúa; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ bà Nguyễn Thị N1 có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp thửa đất 111; phía Tây giáp đất ông Phạm Văn V; phía Nam giáp đất ông Phạm Văn S; phía Bắc giáp thửa đất 117 (có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo).

Tòa án cấp sơ thẩm đã chia phần đất ở tại thửa 40 diện tích 85m²; phần đất lúa tại thửa 87 diện tích là 258,5m² và 596,2m² đất vườn tạp tại thửa 39 cho bà H1 quản lý sử dụng. HĐXX xét thấy: Sau khi cụ N1 chết, ông Phạm Văn T1 và

bà Đinh Thị H1 là người đang trực tiếp quản lý, trông coi tài sản là di sản thừa kế và có công trong việc chăm sóc cụ Nguyễn Thị N1. Hiện tại, bà H1 và các con vẫn đang sinh sống trong căn nhà xây cấp 4 diện tích 70m² tường xây gạch ba vạnh xây dựng trên thửa 40 là đất ở có diện tích là 85m². Tổng giá trị phần di sản mà bà H1, anh Ng, chị Th được nhận có trị giá là 35.016.600đồng (bà Đinh Thị H1, anh Phạm Văn N, chị Phạm Thị Hoài Th mỗi người được chia phần di sản có trị giá 11.672.200đồng). Trong quá trình giải quyết anh Ng và chị Th thống nhất giao toàn bộ phần di sản mà anh Ng, chị Th được chia cho bà H1 quản lý và sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chia phần di sản trên cho bà H1 quản lý, sử dụng là phù hợp. Do vậy, cần giao cho bà Đinh Thị H1 quản lý, sử dụng phần di sản là các thửa đất sau: Thửa 40 diện tích 85m²; phần đất lúa tại thửa 87 diện tích là 258,5m² và 596,2m² đất vườn tạp tại thửa 39, có tổng trị giá là 35.016.600đồng.

Đối với bà Phạm Thị H4 hiện tại không có đất ở, ông H, bà L, bà H3, anh Phạm Hồng K thống nhất đề nghị chia phần cho bà H4 103,8m² đất vườn tạp tại thửa 39 đã được gia đình san gạt thành nền nhà (hiện tại do anh Phạm Hồng K đang quản lý) để làm nhà ở và 02 thửa đất màu là thửa 111 diện tích 162m² và thửa 117 diện tích 510,1m². Tổng giá trị phần di sản bà H4 được nhận là 21.725.200đồng nhận thấy là phù hợp với nhu cầu sử dụng đất thực tế của bà H4 vì hiện tại bà cùng gia đình ông H đang trồng cây trên 02 thửa đất này.

Đối với di sản thừa kế được chia theo phần, mặc dù có sự chênh lệch về diện tích và giá trị. Bà H1, anh Ng, chị Th được nhận phần di sản (kỷ phần thừa kế của ông Phạm Văn T1) có giá trị cao hơn các đồng thừa kế khác. Tuy nhiên, anh Phạm Hồng K là đại diện được ủy quyền của ông H, bà H4, bà L, bà H3 có đơn đề nghị việc ai được hưởng di sản nhiều hơn, có giá trị cao hơn các đương sự cũng không yêu cầu trích chia chênh lệch giá trị tài sản thừa kế theo phần. Tại cấp phúc thẩm các đương sự cũng không có ý kiến gì. Hơn nữa, bà H1, ông T1 cũng có công chăm sóc, phụng dưỡng cụ N1, là người trực tiếp quản lý di sản từ khi cụ N1 qua đời nên việc được nhận phần di sản có giá trị cao hơn các đồng thừa kế khác là phù hợp cần được chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị H1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ Bản án sơ thẩm để cho bà được hưởng toàn bộ di sản của cụ N1 để lại với lý do: Vợ chồng bà là người có công chăm sóc, phụng dưỡng cụ N1. Năm 2009, do cụ N1 tuổi cao sức yếu đã gọi các con về và mời tổ mặt trận thôn đến lập biên bản thống nhất vợ chồng bà chăm sóc cụ N1 và canh tác trên đất của cụ N1, vì bà H4 không về nên không làm được thủ tục cho tặng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà, cụ N1 đã giao toàn bộ giấy tờ đất cho vợ chồng bà quản lý và canh tác. HĐXX xét thấy: Năm 2009, cụ N1 về chung sống với vợ chồng ông T1, bà H1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì: Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt là khi cha mẹ ốm đau, già yếu tàn tật... Việc vợ chồng ông T1, bà H1 nuôi dưỡng mẹ là cụ N1 không phải căn cứ để ông, bà được hưởng toàn bộ di sản thừa kế mà cụ N1 để lại. Cụ N1 chết không để lại di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia di sản thừa kế của cụ N1 theo pháp luật là đúng quy định tại Điều 650 của Bộ luật Dân sự. Ngày 04 tháng 5 năm 2009, gia đình

mời tổ mặt trận thôn đến lập biên bản thống nhất vợ chồng bà chăm sóc cụ N1 và cụ N1 đã giao toàn bộ giấy tờ đất cho vợ chồng bà quản lý và canh tác, bà H1 cho rằng vì bà H4 không về nên không làm được thủ tục cho tặng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà. Xét thấy đây không phải căn cứ pháp lý để xác định việc cụ N1 đã tặng cho toàn bộ diện tích đất của cụ cho vợ chồng bà H1. Việc cụ N1 giao giấy tờ đất cho vợ chồng bà H1 quản lý mà chưa lập thành hợp đồng tặng cho được công chứng, chứng thực và chưa đăng ký biến động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai nên không có căn cứ pháp lý để xác định cụ N1 đã tặng cho vợ chồng bà H1 đối với toàn bộ diện tích đất của cụ N1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, như bà H1 trình bày. Tại cấp phúc thẩm, bà H1 cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà.

[8] Về án phí và các chi phí tố tụng:

Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm được tính trên giá trị phần di sản mỗi người được nhận như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là đúng quy định.

Anh Phạm Hồng K nhận chịu tiền án phí sơ thẩm và chi phí thẩm định tại chỗ thay ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị H3 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên các đương sự không phải chịu án phí. Bà Đinh Thị H1 được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị H1; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái, cụ thể như sau:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 654, Điều 660 của Bộ luật dân sự; Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị N1.

- Xác định di sản thừa kế là 07 thửa đất gồm:

+ Thừa thứ nhất: Thừa đất số 40, tờ Bản đồ số 56, diện tích 85,0m² đất ở nông thôn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200533 vào sổ số: 00285 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1, tài sản trên đất gồm có một nhà xây cấp 4, diện tích 70m² tường xây gạch ba vạnh, mái lợp Blu ximăng và các công trình phụ kèm theo; 01 cây mít; 01 cây nhãn; 01 cây bứa.

+ Thừa thứ hai: Thừa số 39, tờ Bản đồ số 56, diện tích 700,0m² đất vườn tạp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200533 vào sổ số: 00285 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1. Tài sản trên đất gồm có cây cột điện 3 pha đã được đền bù diện tích 16m²; 01 chuồng gà trên nền đất anh Phạm Hồng K đã đánh taluy thành nền có diện tích là 103,8m².

+ Thừa thứ ba: Thừa số 108, tờ Bản đồ số 56, diện tích 72,0m² đất lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số: 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1, trên đất không có tài sản gì.

+ Thừa thứ tư: Thừa số 87, tờ Bản đồ số 56, diện tích 260,0m² đất lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số: 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1, trên đất không có tài sản gì.

+ Thừa thứ năm: Thừa số 111, tờ Bản đồ số 56, diện tích 160,0m² đất màu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số: 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1, tài sản trên đất có khoảng 100 cây quế do ông H, anh K, bà H4 trồng được một năm tuổi.

+ Thừa thứ sáu: Thừa số 117, tờ Bản đồ số 56, diện tích 534,0m² đất màu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số: 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1, tài sản trên đất có khoảng 300 cây quế một năm tuổi do anh K, ông H, bà H4 trồng.

+ Thừa thứ bảy: Thừa số 14, tờ Bản đồ số 6-6, diện tích 2080,0m² đất vườn rừng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200535 vào sổ số: 00193 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998, địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái đã được Ủy ban nhân dân huyện TY cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất ngày 10-12-1998 mang tên bà Nguyễn Thị N1, tài sản trên đất có khoảng 20 cây cọ 30 năm tuổi và khoảng 30 cây quế 5 năm tuổi. Cọ do cụ N1 trồng, quế do ông T1 trồng.

Là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị N1, có tổng trị giá là 112.575.600đồng.

- Chia cho ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị H3 phần di sản gồm: Thửa đất 14 là đất vườn rừng có diện tích là 2016,5m² và thửa đất 108 là đất lúa có diện tích là 89,6m² có tổng trị giá là 55.833.800 đồng, bà H3, bà L, ông H mỗi người được chia phần di sản có trị giá 18.611.267đồng.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: Bà Đỗ Thị H3, bà Đỗ Thị L nhường kỹ phần thừa kế tài sản mà bà L, bà H3 được nhận cho ông Phạm Văn H được quyền quản lý, sử dụng.

Giao ông Phạm Văn H được quyền sở hữu, sử dụng phần diện tích đất gồm 02 thửa đất sau: Thửa thứ nhất là thửa số 14, tờ Bản đồ số 6-6, diện tích 2016,5m² đất vườn rừng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200535 vào sổ số: 00193QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên cụ Nguyễn Thị N1, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Doãn Văn H và đất ông Nguyễn Sinh Nh; phía Nam giáp đất UBND xã ĐT, huyện TY, tỉnh Yên Bái; phía Tây giáp đất anh Phạm Hồng K; phía Đông giáp đường bê tông. Thửa thứ hai là thửa số 108, tờ Bản đồ số 56, diện tích 89,6m² đất lúa; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số: 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ bà Nguyễn Thị N1, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp thửa đất 111; phía Tây giáp đất ông Phạm Văn V; phía Nam giáp đất ông Phạm Văn S; phía Bắc giáp thửa đất 117. Tổng trị giá phần di sản ông Phạm Văn H được nhận là 55.833.800đồng (có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo).

- Chia phần đất ở tại thửa 40 diện tích 85m²; phần đất lúa tại thửa 87 diện tích là 258,5m² và 596,2m² đất vườn tạp tại thửa 39 cho bà Đinh Thị H1, anh Phạm Văn N, chị Phạm Thị Hoài Th quản lý, sử dụng, có tổng trị giá là 35.016.600đồng (bà Đinh Thị H1, anh Phạm Văn N, chị Phạm Thị Hoài Th mỗi người được chia phần di sản có trị giá 11.672.200đồng).

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: Anh Phạm Văn N, chị Phạm Thị Hoài Th nhường kỹ phần thừa kế tài sản của anh Ng, chị Th được nhận cho bà Đinh Thị H1 được quyền quản lý, sử dụng.

Giao bà Đinh Thị H1 được quyền sở hữu, sử dụng các thửa đất sau: Thửa thứ nhất là thửa đất số 40, tờ Bản đồ số 56, diện tích 85,0m² đất ở nông thôn; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200533 vào sổ số: 00285 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị N1, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất UBND xã ĐT, huyện TY; phía Đông, Tây, Nam giáp thửa 39. Thửa đất thứ hai: Diện tích 596,2m² trong tổng số 700m² của thửa số 39, tờ Bản đồ số 56 là đất vườn tạp; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200533 vào sổ số: 00285 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị N1, có các phía tiếp giáp: Phía Bắc giáp diện

tích 103,8m² của thửa đất số 39 đã đánh taluy làm nền nhà hiện anh K đang chăn nuôi gà trên đất và giáp đất anh Phạm Hồng K; phía Nam giáp đường bê tông; phía Tây giáp đường quốc lộ Yên Bái – Khe Sang; phía Đông giáp thửa đất số 40 và giáp đất do UBND xã ĐT quản lý. Thửa đất thứ ba là thửa số 87 tờ Bản đồ số 56, diện tích 258,5m² đất lúa; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số: 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị N1, có các phía tiếp giáp: Phía Bắc giáp đất anh Phạm Hồng K; phía Nam giáp đất ông Phạm Văn Nam; phía Tây giáp nương nước; phía Đông giáp đất UBND xã ĐT, huyện TY (có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo). Tổng trị giá di sản mà bà H1 được nhận là 35.016.600đồng.

Chia cho bà Phạm Thị H4 được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất sau: Thửa đất thứ nhất là thửa 117 tờ Bản đồ số 56, diện tích 510,1m² đất màu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị N1, có các phía tiếp giáp: Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn V và thửa 108; phía Tây Bắc giáp đường bê tông; phía Đông Nam giáp thửa đất 111; phía Đông giáp đất ông Phạm Văn S. Thửa đất thứ hai là thửa 111 tờ Bản đồ số 56, diện tích 162,0m² đất màu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M200534 vào sổ số: 00271 QSDĐ/38/QĐUBH ngày 10-12-1998 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị N1, có các phía tiếp giáp: Phía Tây Bắc giáp thửa đất 117; phía Nam giáp đất ông Phạm Văn S; phía Tây giáp thửa đất 108; phía Đông Bắc giáp đất ông Phạm Văn S; phía Đông giáp đất ông Phạm Văn Cường. Thửa đất thứ ba là một phần diện tích đất của thửa đất số 39 đất vườn tạp, đã được đánh đất thành nền nhà có diện tích 103,8m² do anh Phạm Hồng K đang quản lý có các cạnh tiếp giáp: Phía Bắc giáp đất anh Phạm Hồng K; phía Nam giáp taluy của thửa đất 39; phía Tây giáp đường quốc lộ Yên Bái – Khe Sang; phía Đông giáp taluy đất UBND xã ĐT, huyện TY. Anh Phạm Hồng K có trách nhiệm thu dọn tài sản trên đất để trả lại mặt bằng cho bà Phạm Thị H4 (có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo). Tổng giá trị phần di sản mà bà Phạm Thị H4 được nhận là 21.725.200đồng.

Các đương sự không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau.

Về chi phí thẩm định: Bị đơn bà Đinh Thị H1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H4, mỗi người phải trả cho anh Phạm Hồng K số tiền chi phí thẩm định là 2.528.000đồng (hai triệu năm trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày anh Phạm Hồng K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H1, bà H4 chưa thi hành xong khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Anh Phạm Hồng K phải chịu 2.791.690đồng tiền án phí DSST. Anh K đã nộp tiền tạm ứng án phí là 580.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008720 ngày 29-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái. Số tiền còn lại tiếp tục phải nộp là 2.211.690đồng.

Bà Phạm Thị H4 phải chịu 1.086.260 đồng tiền án phí DSST.

Bà Đinh Thị H1 được miễn nộp toàn bộ tiền án phí DSST.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Đinh Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2017/0008763 ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT2-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện TY;
- Chi cục THA DS huyện TY;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân